

Bán án số: 33/2018/HNGĐ - ST

Ngày 27-4-2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn

Mai Thị Ngọc Hân

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 42/9F, đường Lê Chân, khóm Tân P, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – vắng mặt. (ông N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 28/02/2018)

Bị đơn: Bà Nguyễn Dương Phương T, sinh năm 1982 – vắng mặt

Địa chỉ: Số 42/9F, đường Lê Chân, khóm Tân P, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – vắng mặt. (Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 27/02/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Võ Văn Ngọc trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn N và bà Nguyễn Dương Phụng T do quen biết nhau trước cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2006, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên vào ngày 04/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không khắc phục được và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông N yêu cầu xin ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung chưa trưởng thành tên Võ Bách K, sinh ngày 01/01/2008 và Võ Ngọc Thư C, sinh ngày 16/01/2015. Hiện các con đang sống chung với bà T. Khi ly hôn ông N đồng ý để bà Trang được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và nguyện vọng của cháu K cũng xin được sống với bà T nếu trường hợp cha mẹ ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng thực hiện từ ngày có quyết định của Tòa án cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Dương Phụng T có đơn xin xét xử vắng mặt và bà có văn bản trình bày ý kiến ngày 23/02/2018 đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N:

Về hôn nhân: Bà T thống nhất với lời trình bày của ông N về thời gian kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, cũng như thời gian sống ly thân của vợ chồng, do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và thời gian ly thân vợ chồng cũng không tạo điều kiện để hàn gắn với nhau. Nay qua yêu cầu xin ly hôn của ông N thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông N. Nhưng do công việc làm ăn xa không thể có mặt theo giấy triệu tập của tòa án trong quá trình tố tụng được nên bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về quan hệ con chung: Thống nhất với lời trình bày của ông N, vợ chồng có 02 con chung tên Võ Bách K, sinh ngày 01/01/2008 và Võ Ngọc Thư C, sinh ngày 16/01/2015. Hiện các con đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và đồng ý mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật như ông Ngọc yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Ngày 13/3/2018, Tòa án tiến hành lấy lời khai Cháu Võ Bách K là con chung của ông N và bà T:

Cháu Khôi trình bày: Hiện nay cháu K đang chung sống với bà T. Nếu ông N, chị T ly hôn, cháu K có nguyện vọng được được sống với bà T.

Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

* Nguyên đơn ông Võ Văn N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 28/02/2018.

* Bị đơn bà Nguyễn Dương Phương T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 27/02/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa ông Võ Văn N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Dương Phương T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên nên ông N khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do đi làm xa không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được. Đề nghị này phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Do đó, căn cứ vào Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1

Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Văn N và bà Nguyễn Dương Phượng T.

[2] Về hôn nhân: Ông N, bà T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Q, thành phố Long Xuyên vào ngày 04/12/2017 đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên ông N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và bà T tuy vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng bà cũng có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông N. Qua xem xét ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy tuy hôn nhân của ông bà là hợp pháp nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hơn nữa vợ chồng cũng có thời gian ly thân từ năm 2017 nhưng cả hai chỉ lo cho cuộc sống riêng của nhau mà không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của cả hai. Do đó, việc ông N xin ly hôn với bà T là phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Bách K, sinh ngày 01/01/2011 và Võ Ngọc Thư C sinh ngày 16/01/2015. Hiện nay 02 con chung đang sống với bà T, khi ly hôn bà T xin được nuôi dưỡng hai con chung và ông N cũng đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án thì cháu K cũng có nguyện vọng sống chung với bà Trang. Thời gian qua cả hai cháu K, C đều phát triển bình thường tâm sinh lý nên việc sự tự thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu K nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bên cạnh đó bà T và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông N được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N bà T thống nhất việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đây là sự tự thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định pháp luật nên được công nhận. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con chung mỗi tháng là 650.000đ/con. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn ông Võ Văn N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Ông N, bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Xử vắng mặt ông Võ Văn N và bà Nguyễn Dương Phượng T.

*** Xử :**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N.

Ông Võ Văn N được ly hôn với bà Nguyễn Dương Phượng T.

[2] Về con chung: có 02 con chung chưa trưởng thành tên Võ Bách K, sinh ngày 01/01/2008 và Võ Ngọc Thư C, sinh ngày 16/01/2015.

Bà Nguyễn Dương Phượng T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Võ Bách K, sinh ngày 01/01/2011 và Võ Ngọc Thư C, sinh ngày 16/01/2015.

Bà T và gia đình bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông N được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không ai được cản trở khi ông N thực hiện quyền này. Việc nuôi con không cố định

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con chung mỗi tháng là 650.000đ/con. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con chung trưởng thành

(đủ 18 tuổi). Mức cấp dưỡng sẽ được thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung: Không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Ông Võ Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005001 ngày 12/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Còn lại ông N phải nộp thêm 300.000đ án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông N, bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Quý;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền